TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2026/DS-ST
Ngày 18-6-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trà Minh Châu

Ông Đỗ Văn Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa*:* Bà Lê Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2025/TLST - DS ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 448/2026/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 5 năm 2026; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1972; Địa chỉ: C T, phường S, thành phố Cần Thơ.(Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: B P, phường P, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Đặng Hoàng T, sinh năm 1987 và bà Huỳnh Thị Bích T1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2025, cũng như tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguyên bà H và ông T, bà T1 có mối quan hệ quen biết với nhau, lợi dụng mối quan hệ quen biết ông T và bà T1 nhiều lần vay mượn tiền của bà H để làm

ăn và kinh doanh phục vụ cuộc sống hàng ngày của 02 (hai) vợ chồng. Vào khoảng thời gian từ tháng 05/2023 đến tháng 07/2023 (âm lịch), ông T, bà T2 đã nhiều lần vay mượn tiền của bà H với tổng số tiền là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

- Lần 01, ngày 05/5/2023 (âm lịch): 50.000.000 đồng

- Lần 02, ngày 20/5/2023 (âm lịch): 50.000.000 đồng

- Lần 03, ngày 10/7/2023 (âm lịch): 70.000.000 đồng.

Tổng cộng cả 03 lần là 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu) đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng.

Ngoài ra, ông T, bà T1 còn mượn của bà H 02 khoản tiền nữa là: Mượn 02 chỉ vàng 18k để đầu tư trả tiền lĩnh xây nhà giá trị của 02 chỉ vàng 18k là 15.000.000 đồng việc mượn không có lập văn bản gì nhưng ông T3, bà T1 thừa nhận qua các nội dung tin.

Tiền mua bán xe còn nợ lại số tiền là 10.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng trước sau ông T, bà T1 vay mượn của tôi số tiền là 195.000.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu đồng). Sau khi nhận tiền và ký vào biên nhận xong ông T, bà T1 chỉ mới đóng tiền lãi được 4-5 tháng với số tiền khoảng 40.000.000 đồng thì không đóng nữa cũng như không trả tiền gốc cho bà H mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà T2 trả tiền nhưng vợ chồng ông T, bà T1 không chịu trả tiền.

Tại phiên hòa giải ngày 18/5/2026, bà H thống nhất với lời trình bày của bị đơn đối với những khoản vay đã trả, cụ thể: Do ông T và bà T1 đã trả được 57.910.000 đồng đối với tiền vay 170.000.000 đồng, nên bà H yêu cầu ông T và bà T1 trả số tiền còn lại là 112.090.000 đồng. Đối với tiền mượn mua xe 10.000.000 đồng, đã trả tiền xe được 1.000.000 đồng, còn nợ lại 9.000.000 đồng. Đối số vàng cho mượn là 1 chỉ 5 phân 9, bà H yêu cầu quy đổi số vàng 1 chỉ 5 phân 9, loại vàng 17k (quy đổi giá vàng 1 chỉ 17k là 10.120.000 đồng) thành số tiền 16.090.000 đồng. Tổng số tiền ông T và bà T1 còn lại là: 137.090.000 (Một trăm ba mươi bảy triệu, không trăm chín chục ngàn) đồng.

Tại phiên tòa, bà H xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà H chỉ yêu cầu ông T và bà T1 thanh toán ngay cho bà tổng số tiền 137.090.000 (Một trăm ba mươi bảy triệu, không trăm chín chục ngàn) đồng. Đối với yêu cầu buộc bà H trả sổ hồng và trả giấy mua bán đất bản gốc, thì bà H không có nhận, nên không đồng ý đối với yêu cầu của bị đơn.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 06/5/2026 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng Hoàng T trình bày*:* Ông không có yêu cầu phản tố trong vụ án này. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, ông thừa nhận có mượn tiền của bà H nhiều lần với tổng số tiền là 170.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) cụ thể:

- Lần 1 ngày 05/5/2023 (âm lịch): 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Lần 2 ngày 20/5/2023 (âm lịch): 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Lần 3 ngày 10/7/2023 (âm lịch): 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Các hợp đồng Bên nhận cho mượn tiền lập ngày 05/5/2023 (âm lịch), ngày 20/5/2023 (âm lịch), ngày 10/7/2023 (âm lịch) chữ ký dưới "Bên mượn tiền" đều là chữ ký của ông, chữ ký "Đặng Hoàng T" là do ông viết.

Đối với yêu cầu khởi kiện trình bày cho mượn 02 chỉ vàng 18K có giá 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) là chưa đúng sự thật vì thời điểm đó ông và vợ (bà T1) kẹt tiền và bà H đưa cho mượn sợi dây chuyền vàng 18K, khi ông cầm thì thời điểm đó chỉ có giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Theo tờ biên nhận cầm cố, thì đây là vàng 17k và có số lượng là 1 chỉ 5 phân 9.

Đối với tiền mua bán xe, bà H cho rằng còn thiếu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) là chưa chính xác vì thực tế giữa ông và bà H có thỏa thuận "*tiền xe tôi gửi được 6 tháng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), cô H cho ông 4 tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tổng cộng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) còn lại là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) mỗi tháng góp 500.000 đồng*" (năm trăm nghìn đồng), bà H có ghé mua tạp hóa với số tiền 416.000 đồng (lúc đó bà H làm tròn là 500.000 đồng) và vợ chồng ông có chuyển khoản cho bà H được 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), nên hiện tại tiền xe chỉ còn nợ là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Ngoài ra, bà H chuyển nợ 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) thành 25 chân hụi từ ngày 18/4/ (âm lịch 2024), theo đó mỗi tháng vợ chồng ông góp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để trả số nợ 170.000.000 đồng. Từ ngày 18/5 âm lịch năm 2024 đến ngày 21/9 âm lịch 2025, ông đã đóng cho bà H được số tiền là 57.910.000 đồng (Năm mươi bảy triệu chín trăm mười nghìn đồng). Bà H có đưa cho ông tờ giấy. Ông đồng ý quy đổi giá vàng 17k theo như đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày, để chốt số nợ.

Đối với yêu cầu của bà H buộc ông trả 137.090.000 (Một trăm ba mươi bảy triệu, không trăm chín chục ngàn) đồng với cách thức trả: trả ngay số tiền mua xe và mua vàng trước. Còn số tiền vay 112.090.000 đồng thì trả 7.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ, thì ông không đồng ý. Vì hiện tại không có khả năng. Ông chỉ đồng ý trả tổng số tiền 137.090.000 (Một trăm ba mươi bảy triệu, không trăm chín chục ngàn) đồng với cách thức trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Ngoài ra đối với yêu cầu buộc bà H trả sổ hồng và trả giấy mua bán đất bản gốc, thì ông không có gì chứng minh đối với việc giao nhận các giấy tờ này với bà H. Ông không yêu cầu Tòa án xem xét đối với yêu cầu này.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 06/5/2026 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị Bích T1 trình bày**:** Bà không có yêu cầu phản tố trong vụ án này. Bà nhất với lời trình bày của ông Đặng Hoàng T. Bà chỉ đồng ý trả tổng số tiền 137.090.000 (Một trăm ba mươi bảy triệu, không trăm chín chục ngàn) đồng với cách thức trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Ngoài ra đối với yêu cầu buộc bà H trả sổ hồng và trả giấy mua bán đất bản gốc, thì bà không có gì chứng minh đối với việc giao nhận các giấy tờ này với bà H. Bà không yêu cầu Tòa án xem xét đối với yêu cầu này.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đặng Hoàng T và bà Huỳnh Thị Bích T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Trần Thị H số tiền còn nợ là 137.090.000 (Một trăm ba mươi bảy triệu, không trăm chín mươi ngàn) đồng. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng*:*

[1.1] Bị đơn ông Đặng Hoàng T và bà Huỳnh Thị Bích T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.2] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay gốc và lãi là: 230.706.600 đồng (Trong đó gốc 195.000.000 đồng, lãi 35.706.600 đồng). Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền theo biên bản hòa giải ngày 18/5/2026 với số tiền 137.090.000 (Một trăm ba mươi bảy triệu, không trăm chín chục ngàn) đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự được HĐXX chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay còn lại 137.090.000 (Một trăm ba mươi bảy triệu, không trăm chín chục ngàn) đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 18/5/2026, bị đơn cũng thừa nhận còn thiếu nguyên đơn số tiền vay 137.090.000 (Một trăm ba mươi bảy triệu, không trăm chín chục ngàn) đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền vay 137.090.000 (Một trăm ba mươi bảy triệu, không trăm chín chục ngàn) đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu của bị đơn xin được trả dần số tiền 137.090.000 (Một trăm ba mươi bảy triệu, không trăm chín chục ngàn) đồng mỗi tháng 3.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn không đồng ý, do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.854.500 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 244; Điều 227, Điều 228; Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 280, Điều 351; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Đặng Hoàng T và bà Huỳnh Thị Bích T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền 137.090.000 (Một trăm ba mươi bảy triệu, không trăm chín chục ngàn) đồng.

Kể từ ngày bà Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Đặng Hoàng T và bà Huỳnh Thị Bích T1 còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Hoàng T và bà Huỳnh Thị Bích T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.854.500 (Sáu triệu, tám trăm năm mươi bốn ngàn, năm trăm) đồng

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.767.665 (Năm triệu, bảy trăm sáu mươi bảy ngàn, sáu trăm sáu mươi lăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011441 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Triều Vũ Hà